

Số: 45 /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 2581/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 256/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu,
chi ngân sách địa phương năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân
sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 của thành phố Cần Thơ, như sau:

I. Về dự toán thu, chi ngân sách:

	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	Trung ương giao	HĐNDTP giao
1. Tổng thu ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu giao	11.039.000	11.039.000
- Thu nội địa:	10.762.000	10.762.000
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:	277.000	277.000
2. Tổng thu ngân sách địa phương:	13.608.735	13.764.635

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:	10.024.610	10.024.610
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	3.584.125	3.584.125
+ <i>Bổ sung cân đối</i>	799.615	799.615
+ <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	2.784.510	2.784.510
- Thu kết dư ngân sách cấp thành phố:		155.900
3. Tổng chi ngân sách địa phương	14.937.735	15.093.635
- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	12.153.225	12.214.625
<i>Gồm:</i>		
+ <i>Từ nguồn ngân sách địa phương được hưởng:</i>	10.024.610	10.024.610
+ <i>Từ nguồn bù đắp bội chi ngân sách (Chính phủ vay về cho vay lại)</i>	1.329.000	1.329.000
+ <i>Từ nguồn kết dư ngân sách thành phố</i>		61.400
+ <i>Từ nguồn bổ sung cân đối của trung ương</i>	799.615	799.615
- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu:	2.784.510	2.784.510
+ <i>Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án:</i>	2.730.250	2.730.250
+ <i>Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách:</i>	54.260	54.260
- Chi trả nợ gốc của ngân sách địa phương:		94.500
4. Bội chi ngân sách địa phương:		1.329.000

(Kèm theo Phụ lục I, II, III)

II. Về kế hoạch vay, trả nợ năm 2023:

1. Tổng số chi trả nợ gốc các khoản vay của thành phố: 94.500 triệu đồng
2. Tổng mức vay của thành phố năm 2023: 1.329.000 triệu đồng; trong đó:
 - Vay để bù đắp bội chi ngân sách: 1.329.000 triệu đồng
 - Vay để trả nợ gốc:

(Kèm theo Phụ lục IV)

Điều 2. Các giải pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023

Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các ngành, các cấp của thành phố thực hiện một số giải pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023, cụ thể như sau:

1. Đối với công tác thu ngân sách

- Bám sát sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính và Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố để triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp tăng thu, chống thất thu ngân sách. Thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thu, phân tích, đánh giá và dự báo nguồn thu, phân tích cụ thể các nguyên nhân tác động làm tăng, giảm nguồn thu theo từng địa bàn, từng lĩnh vực, tổng hợp báo cáo kịp thời, đề xuất các giải pháp quản lý có hiệu quả.

- Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc. Bám sát thực tiễn, phân tích, dự báo tình hình dịch bệnh, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh theo quy định, phục hồi tăng trưởng kinh tế, tạo điều kiện, cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh phát triển nhằm nuôi dưỡng và tạo nguồn thu cho ngân sách.

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế. Đẩy mạnh triển khai thanh toán thuế điện tử 24/7 và phương pháp nhờ thu qua các ngân hàng thương mại, đảm bảo việc thu nộp thuế được mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện; ứng dụng quản lý nợ thuế theo phương thức điện tử; thực hiện nhanh chóng, kịp thời các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ thuế. Kiểm soát chặt chẽ số hoàn thuế, đảm bảo hoàn thuế đúng đối tượng, đúng chính sách pháp luật của nhà nước.

- Tăng cường công tác quản lý thu phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng thu; đẩy mạnh chống thất thu, chuyên giá, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế... bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước.

- Tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế và tổ chức, thực hiện có chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở đối với người nộp thuế. Tăng cường đôn đốc nộp thuế sau thanh tra, kiểm tra.

- Triển khai hiệu quả công tác quản lý thu nợ, tiếp tục thực hiện chuẩn hóa, phân loại nợ, thực hiện các biện pháp xử lý, thu nợ thuế theo quy định, cơ quan thuế các cấp cần tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp gồm: Phát huy hiệu quả hơn nữa vai trò của Ban chỉ đạo chống thất thu, thu hồi nợ đọng tại địa phương; thực hiện hiệu quả công tác xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội, giảm tỷ lệ nợ đọng xuống dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước;

- Kiểm soát chặt chẽ số hoàn thuế giá trị gia tăng, hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu, đảm bảo hoàn thuế đúng đối tượng, theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Rà soát, tăng cường khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (đất đai, tài nguyên, tài sản khu vực sự nghiệp công, tài sản là các loại kết cấu hạ tầng giao

thông), tăng cường đẩy nhanh các quy trình thực hiện triển khai các dự án thu tiền sử dụng đất, kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho các dự án có thu tiền sử dụng đất nhằm huy động vốn cho phát triển xã hội.

- Thu hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt và các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

- Phấn đấu thu vượt dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao để có nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý các nhiệm vụ phát sinh.

2. Đối với công tác chi ngân sách

a) Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản

- Thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công theo hướng tập trung vốn vào các lĩnh vực then chốt, các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển nền kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước, đẩy mạnh đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng với các công trình giao thông trọng điểm, tăng cường mở rộng kết nối với các vùng lân cận.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nguồn NSNN; tập trung tháo gỡ các vướng mắc, rào cản trong quản lý đầu tư và xây dựng, nhất là vướng mắc về giải phóng mặt bằng, thủ tục cấp phép xây dựng, đấu thầu... Theo dõi sát tiến độ triển khai và giải ngân các dự án đầu tư trên địa bàn, chủ động đề xuất cắt giảm, điều chuyển kế hoạch đầu tư công vốn NSNN từ các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt hơn nhằm sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Thực hiện nghiêm quy định quyết toán dự án hoàn thành, không để tình trạng tồn đọng các dự án đầu tư công đã hoàn thành nhưng chậm phê duyệt quyết toán; khắc phục tình trạng tạm ứng vốn lớn, tạm ứng sai quy định, tạm ứng kéo dài qua nhiều năm chậm thu hồi.

b) Đối với chi thường xuyên

- Các Sở, ban ngành, đơn vị dự toán, các quận, huyện điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, trong đó thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2023 (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) được giữ lại tại mỗi cấp ngân sách theo quy định; giảm triệt để kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo.

- Phân bổ dự toán chi phải bảo đảm về thời gian theo quy định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Đồng thời, việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên phù hợp với tiến độ và

lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, điều chỉnh giá phí,... theo các quy định.

- Giao cơ quan tài chính các cấp tham mưu sắp xếp, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thật sự bức xúc, cần thiết, phát sinh ngoài dự toán; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định.

- Trường hợp đánh giá khả năng hút thu cân đối ngân sách địa phương, phải chủ động dành 50% dự phòng ngân sách địa phương và sử dụng một phần quỹ dự trữ tài chính theo quy định, kết hợp với sắp xếp, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thật cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

3. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập

- Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, giá dịch vụ công. Tiếp tục lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công, đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập. Sắp xếp và tổ chức lại hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, tăng cường phân cấp, giao quyền tự chủ cho đơn vị theo quy định.

- Tăng cường cơ chế giao dự toán kinh phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xác định giá dịch vụ sự nghiệp công. Thực hiện lộ trình đẩy mạnh cơ chế đấu thầu, đặt hàng phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công và khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

4. Tiếp tục thực hiện sắp xếp các doanh nghiệp, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản nhà nước trong quá trình sắp xếp, quản lý và sử dụng vốn nhà nước.

5. Tiếp tục quản lý, điều hành giá các mặt hàng nhà nước còn định giá, mặt hàng bình ổn giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước

- Thực hiện quản lý giá theo nguyên tắc thị trường, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với các mặt hàng quan trọng, nhà nước còn định giá, bình ổn giá. Đẩy mạnh thực hiện công khai, minh bạch trong điều hành đối với giá. Thực hiện hiệu quả các biện pháp điều hành, quản lý, bình ổn giá cả thị trường khi có những biến động phức tạp, thiên tai, dịch bệnh.

- Giá các sản phẩm, dịch vụ được nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch tiếp tục được rà soát theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất - kinh doanh thực tế hợp lý, phù hợp với mặt bằng giá thị trường, thu hút các thành phần kinh tế khác cùng tham gia cung ứng dịch vụ công. Thực hiện công khai thông tin về giá, điều

hành giá để tạo sự đồng thuận và giám sát từ nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra giá kết hợp với thuế để ngăn chặn và kiên quyết xử lý các hành vi tăng giá bất hợp lý, nhất là đối với các nguyên vật liệu quan trọng và mặt hàng tiêu dùng thiết yếu; kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ, găm hàng thao túng thị trường; giám sát chặt chẽ việc kê khai giá của các doanh nghiệp đối với mặt hàng bình ổn giá, mặt hàng thuộc danh mục kê khai giá; kiểm soát chặt chẽ giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá; hàng hóa, dịch vụ được trợ cước, trợ giá; hàng hóa, dịch vụ mua sắm từ ngân sách nhà nước.

6. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Tiếp tục rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; đẩy mạnh việc xử lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng để tạo nguồn tài chính bổ sung ngân sách nhà nước phục vụ cho mục tiêu đầu tư phát triển và các nhu cầu khác theo quy định; kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí thất thoát tài sản công.

- Khai thác hiệu quả tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản kết cấu hạ tầng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; chấm dứt việc sử dụng tài sản cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, kinh doanh không đúng quy định.

- Đầu tư xây dựng, mua sắm ô tô, tài sản công phải theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đảm bảo tiết kiệm, công khai, minh bạch; không mua sắm xe ô tô, trang thiết bị đắt tiền không đúng quy định.

- Thực hiện nghiêm việc đấu giá khi thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Chủ động trong công tác quản lý nợ công và nợ chính quyền địa phương, đảm bảo an toàn nợ. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc vay, sử dụng vốn vay và trả nợ.

8. Thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán

Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

9. Tổ chức công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước

Các đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện công khai theo quy định. Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, giám sát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định, đề cao và làm rõ trách nhiệm cá nhân của Thủ trưởng đơn vị thụ hưởng ngân sách trong việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ và thành phố;
- TT. Công báo, Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiếu



Phụ lục I

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3-1	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	15.209.610	21.957.461	13.764.635	-341.406	62,69
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	9.667.926	9.990.937	10.024.610	356.684	100,34
1	- Thu NSDP hưởng 100%	4.053.800	3.377.950	3.355.710	-698.090	99,34
2	- Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	5.614.126	6.612.987	6.668.900	1.054.774	100,85
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.738.194	3.666.101	3.584.125	-1.154.069	97,76
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách			799.615	799.615	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4.738.194	3.666.101	2.784.510	-1.953.684	75,95
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư	803.490	2.850.667	155.900		
V	Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang		5.449.756			-
B	TỔNG CHI NSDP	16.026.910	12.840.619	15.093.635	-933.275	94,18
I	Tổng chi cân đối NSDP	12.792.872	10.706.359	12.214.625	-578.247	95,48
1	Chi đầu tư phát triển	5.636.590	4.250.384	5.144.935	-491.655	91,28
2	Chi thường xuyên	6.880.800	6.269.723	6.780.779	-100.021	98,55
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	48.000	48.000	61.400	13.400	127,92
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.380	1.380	1.380	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	226.102	136.872	226.131	29	100,01
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	3.151.038	2.051.260	2.784.510	-366.528	88,37
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-		-		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.151.038	2.051.260	2.784.510	-366.528	88,37
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
IV	Chi trả nợ gốc của NSDP	83.000	83.000	94.500	11.500	113,86
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	817.300	423.000	1.329.000	511.700	162,61
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	83.000	83.000	94.500		
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	83.000	83.000	94.500		
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	898.300	423.000	1.329.000	430.700	147,95
I	Vay để bù đắp bội chi	817.300	423.000	1.329.000	511.700	162,61
II	Vay để trả nợ gốc	81.000			-81.000	-

Ghi chú: Tổng chi NSDP không bao gồm chi nộp NS cấp trên và chi XDCB từ vốn tạm ứng các năm trước chuyển sang



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	16.026.910	15.093.635	(933.275)	94,18
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	12.792.872	12.214.625	(578.247)	95,48
I	Chi đầu tư phát triển	5.636.590	5.144.935	(491.655)	91,28
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.436.590	5.144.935	(291.655)	94,64
a	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.350.000	700.000	(650.000)	51,85
	Trong đó: Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	850.000		(850.000)	-
b	Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.600.000	1.650.000	50.000	103,13
c	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	1.394.800	1.465.935	71.135	105,10
d	Chi đầu tư từ bội chi	817.300	1.329.000	511.700	162,61
đ	Chi từ các nguồn khác	274.490		(274.490)	-
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định pháp luật	200.000	-	(200.000)	
	- Quỹ phát triển đất	200.000		(200.000)	-
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	6.880.800	6.780.779	(100.021)	98,55
	Trong đó:			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.659.522	2.584.671		97,19
2	Chi khoa học và công nghệ	46.902	48.732		103,90
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	48.000	61.400	13.400	127,92
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.380	1.380	-	100,00
V	Dự phòng ngân sách	226.102	226.131	29	100,01
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	3.151.038	2.784.510	(366.528)	88,37
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			-	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.151.038	2.784.510	(366.528)	88,37
1	Chi đầu tư	3.023.778	2.730.250	(293.528)	90,29
	- Vốn ngoài nước	1.566.093	764.550	(801.543)	48,82
	- Vốn trong nước	1.457.685	1.965.700	508.015	134,85
	- Vốn trái phiếu			-	
2	Chi sự nghiệp	127.260	54.260	(73.000)	42,64
	- Vốn ngoài nước			-	
	- Vốn trong nước	127.260	54.260	(73.000)	42,64
	+ Hỗ trợ các Hội văn học nghệ thuật địa phương		528	528	
	+ Hỗ trợ các Hội nhà báo địa phương		200	200	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	+ Kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và PHCN cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí; chương trình phát triển công tác xã hội		200	200	
	+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	36.499	8.770	(27.729)	24,03
	+ Kinh phí quản lý bảo trì đường bộ cho Quỹ bảo trì đường bộ địa phương	40.761	44.562	3.801	109,33
	+ Hỗ trợ khác	50.000		(50.000)	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			-	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP	83.000	94.500	11.500	113,86

Phụ lục IV

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NSDP	9.667.926	10.024.610	356.684
B	CHI CÂN ĐỐI NSDP	10.090.926	11.353.610	1.262.684
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	423.000	1.329.000	906.000
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	5.800.756	6.014.766	214.010
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	989.831	1.329.831	340.000
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	17,06	22,11	5,05
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	989.831	1.329.831	340.000
	+ <i>DA Phát triển TPCT và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị</i>	847.369		-847.369
	+ <i>Dự án Kè bờ sông cần thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ</i>	137.732		
	+ <i>DA Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn TPCT</i>	4.729		-4.729
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật			
II	Trả nợ gốc vay trong năm	83.000	94.500	11.500
1	Theo nguồn vốn vay	83.000	94.500	11.500
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	83.000	94.500	
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật			
2	Theo nguồn trả nợ	83.000	94.500	11.500
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
-	Bội thu NSDP			
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp thành phố	83.000	94.500	11.500
III	Tổng mức vay trong năm	423.000	1.329.000	906.000
1	Theo mục đích vay	423.000	1.329.000	906.000
-	Vay để bù đắp bội chi	423.000	1.329.000	906.000
-	Vay để trả nợ gốc			
-	Vay vốn tín dụng ưu đãi			
2	Theo nguồn vay	423.000	1.329.000	906.000
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	423.000	1.329.000	906.000
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	1.329.831	2.564.331	1.234.500
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	22,93	42,63	19,71
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	1.329.831	2.564.331	1.234.500
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật			
F	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	31.200	61.400	30.200

